

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2022

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía.

Bà Huỳnh Thị Kim Phượng.

Bà Ngô Thị Phương Trang.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên sơ cấp Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Hồng S, sinh năm 1981 (*Có mặt*).

Bị đơn: Trần Thị Thu E, sinh năm 1984 (*Vắng mặt*).

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: cháu Nguyễn Tường N, sinh ngày 13/4/2008 (*Vắng mặt*).

(*Giám hộ cho cháu N là chị Thu E – mẹ ruột*).

Cùng nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau:

Về tình cảm: ông và bà Thu E đến với nhau do tự quen biết, có thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2007 tại UBND xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Sau khi cưới vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên hôn nhân không còn hạnh

phúc. Ông và bà Thu E sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân ông và bà Thu E không ai chủ động hàn gắn tình cảm. Nay ông không còn tình cảm với bà Thu E nên xin được ly hôn với bà Thu E.

Về con: Ông và bà Thu E có 01 con chung là Nguyễn Tường N, sinh ngày 13/4/2008, từ khi ly thân đến nay cháu N do bà Thu E trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông tôn trọng quyết định của cháu N muốn sống với bà Thu E nên ông đồng ý giao con cho bà Thu E tiếp tục nuôi dưỡng, ông không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Thu E vắng mặt nhưng bà Thu E có đơn rút yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung thì ông thống nhất không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày như sau:

Về tình cảm: Bà và ông S đến với nhau do tự quen biết, có thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm chúng tôi tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2007 tại UBND xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Sau khi cưới vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà và ông S sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly không ai chủ động hàn gắn tình cảm được. Bà không còn tình cảm với ông S nên đồng ý ly hôn với ông S.

Về con: Bà và ông S có 01 con chung tên Nguyễn Tường N, sinh ngày 13/4/2008. Từ khi ly thân cháu N do bà trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi cháu N và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Thu E có đơn phản tố ngày 11/5/2022 trình bày trong quá trình chung sống chung, bà và ông S có tài sản chung là thửa đất 807, tờ bản đồ số 03, diện tích đất là 158m² (loại đất ONT), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01177 cấp ngày 27/8/2012 do anh Nguyễn Hồng S đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp Qui Lân 2, xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Giá trị tài sản khoảng 26.000.000đồng và đề nghị chia đôi. Bà Thu E đề nghị nhận tài sản và trả cho ông S ½ giá trị là 13.000.000đồng. Theo bà Thu E nguồn gốc đất là của ba mẹ chồng tặng cho bà và ông S sau khi cưới nhau. Đến ngày 08/6/2022 bà Thu E nộp “Đơn xin rút đơn phản tố” ngày 08/6/2022 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về tài sản riêng, nợ chung riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi ích được bảo vệ cháu Nn vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau: Cháu là con chung của nguyên đơn và bị đơn, cha mẹ ly hôn cháu không có ý kiến. Hiện nay cháu đang sống chung với bà Thu E, khi ba mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn tiếp tục sống chung với bà Thu E không yêu cầu gì đối với ông S.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị hội đồng xét xử cho ông S được ly hôn với bà Thu E. Về con: giao con chung là Nguyễn Tường N, sinh ngày 13/4/2008 cho bà Thu E tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, riêng và nợ: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Thu E do rút yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi ích được bảo vệ vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về tình cảm: Về hôn nhân của ông S và bà Thu E trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo ông S, bà Thu E quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông S và bà Thu E đã ly thân từ năm 2019 đến nay nhưng không hàn gắn được tình cảm để cùng nhau xây dựng gia đình và chăm lo cho con chung. Điều đó cho thấy tình cảm của ông, bà chưa đủ lớn để vượt qua thử thách trong đời sống hôn nhân, phù hợp với “*Biên bản xác minh*” ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh lập. Mặc dù, bà Thu E đồng ý ly hôn với ông S nhưng do bà Thu E không có mặt tại phiên tòa nên không thể công nhận thuận tình ly hôn mà tuyên cho ông S được ly hôn với bà Thu E.

[3] Về con chung: Ông S và bà Thu E thừa nhận có 01 con chung Nguyễn

Tường N, sinh ngày 13/4/2008. Khi ly hôn bị đơn yêu cầu tiếp tục nuôi con chung được nguyên đơn đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của cháu N nên giao cháu N cho bà Thu E tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngày 11/5/2022 bà Thu E có nộp đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung nhưng bà Thu E đã nộp đơn “*Đơn xin rút đơn phản tố*” ngày 08/6/2022 nên đình chỉ yêu cầu này của bà Thu E.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông S phải chịu theo quy định pháp luật. Bà Thu E rút yêu cầu phản tố nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 228, 217, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: ông Nguyễn Hồng S được ly hôn với bà Trần Thị Thu E.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Tường N, sinh ngày 13/4/2008 cho bà Trần Thị Thu E tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hồng S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Thu E về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Về án phí: Ông Nguyễn Hồng S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006213 ngày 04/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nên ông S không phải nộp thêm án phí.

Bà Trần Thị Thu E được nhận lại 325.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006253 ngày 12/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhân

- TAND TP Cần Thơ
- VKS huyện Vĩnh Thạnh
- Thi hành án huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự.
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Hà Thía